

TỔNG CÔNG TY
DIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 167/CBTT-HHC

Nghệ An, ngày 26 tháng 3 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Tên công ty: **Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na**

Trụ sở chính: Tầng 9 Toà nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại : 02383.588.766

Fax : 02383.588.767

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Xuân Sơn

Chức vụ : Phó Giám đốc

Địa chỉ : Khối 6, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại : 0983552266

Loại thông tin công bố: 24h; 72h; Yêu cầu; Bất thường; Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na.

Toàn bộ nội dung Báo cáo thường niên năm 2019 được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ: <http://huana.com.vn> mục Quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT. ✓

Tài liệu gửi kèm:

Báo cáo thường niên năm 2019

**Người thực hiện công bố thông tin
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Sơn



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí, số 07, Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
ĐT: 02383.588 766; Fax: 02383.588 767

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019



Nghệ An, tháng 3 năm 2020

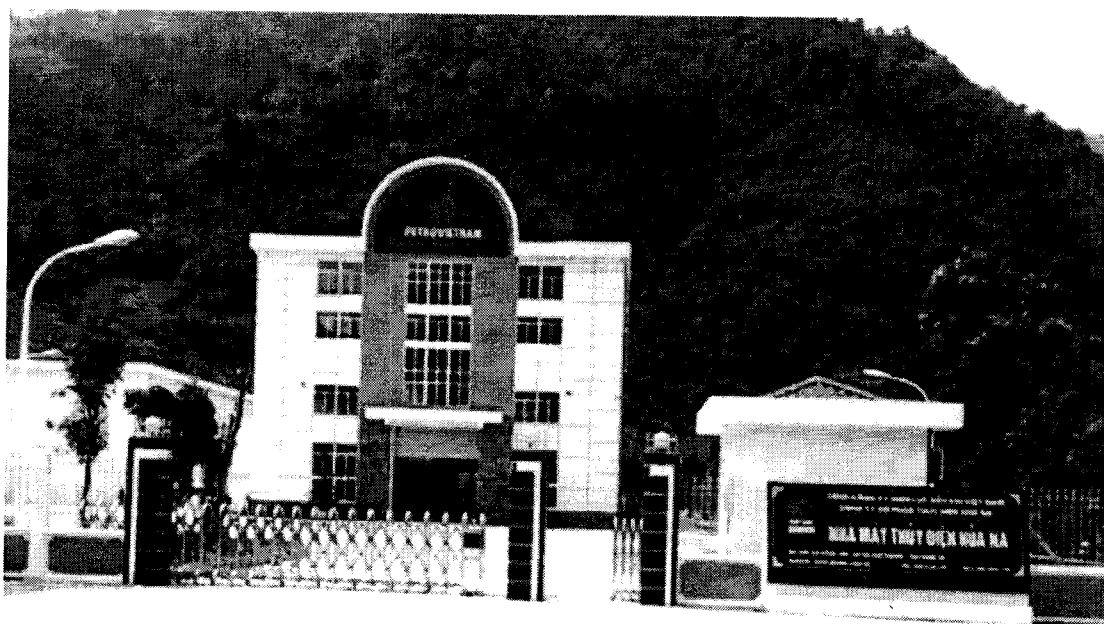
I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên Doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA**
- Tên tiếng Anh: **HUA NA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **HHC**
- Logo:



- Giấy CNĐKKD: 2900797430 đăng ký sửa đổi lần thứ 8 ngày 29/12/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Vốn điều lệ: 2.256.592.100.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 2.256.592.100.000 đồng.
- Số điện thoại: 02383.588.766.
- Số fax: 02383.588.767.
- Website: <http://huana.com.vn>
- Mã chứng khoán: **HNA**





2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na được thành lập ngày 16/5/2007 bởi cổ đông sáng lập là Tổng Công ty lắp máy Việt Nam và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na hiện đang quản lý, vận hành Nhà máy thủy điện Hòa Na thuộc địa phận xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

↓ Các mốc thời gian phát triển:

- Ngày 19/01/2006, Dự án Thủy điện Hòa Na được Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư tại Văn bản số 129 TTg-CN.
- Ngày 16/5/2007, Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na được thành lập bởi cổ đông sáng lập là Tổng Công ty lắp máy Việt Nam và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Ngày 8/6/2007, Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na được chấp thuận là Chủ đầu tư xây dựng dự án thủy điện Hòa Na theo văn bản số 3143/VPCP-CN của Văn phòng Chính phủ, với hình thức đầu tư: Xây dựng - Vận hành - Sở hữu (BOO).
- Ngày 27/7/2007, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã chuyển toàn bộ số cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na cho Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (nay là Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP) trở thành cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na.
- Ngày 28/3/2008, Dự án thủy điện Hòa Na được khởi công xây dựng tại xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.
- Ngày 01/02/2013, Tổ máy số 1 Nhà máy thủy điện Hòa Na hòa lưới điện Quốc gia.
- Ngày 27/3/2013, Tổ máy số 2 Nhà máy thủy điện Hòa Na hòa lưới điện Quốc gia.
- Ngày 17/7/2013, Công trình thủy điện Hòa Na chính thức hoàn thành đưa vào sử dụng.
- Ngày 22/8/2017, Cổ phiếu của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na (mã chứng khoán HNA) đã được đăng ký lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam tại Giấy chứng nhận Đăng ký chứng khoán số 163/2017/GCNCP-VSD.



- Ngày 28/9/2017, Cổ phiếu Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na đã được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Quyết định số 824/QĐ-SGDHN với phiên giao dịch đầu tiên là ngày 05/10/2017.

Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na hiện đang thực hiện tốt hoạt động sản xuất, kinh doanh điện năng.

✚ Quá trình thay đổi vốn điều lệ:

- Ngày 16/5/2007, Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na đăng ký kinh doanh lần đầu tiên với số vốn điều lệ ban đầu là 1.200 tỷ đồng.
- Ngày 05/3/2009, đăng ký thay đổi lần 1, tăng số vốn điều lệ của Công ty lên thành: 1.800.000.000.000 đồng.
- Ngày 29/3/2012, đăng ký thay đổi lần 4, tăng số vốn điều lệ của Công ty lên thành: 2.010.000.000.000 đồng.
- Ngày 25/5/2015, đăng ký thay đổi lần 7, tăng số vốn điều lệ của Công ty lên thành: 2.310.000.000.000 đồng.
- Ngày 29/12/2016 đăng ký thay đổi lần 8, giảm số vốn điều lệ của Công ty về vốn điều lệ thực góp là 2.256.592.100.000 đồng.

3. Ngành nghề kinh doanh - Địa bàn hoạt động

3.1. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Cho thuê văn phòng.

- Khai thác quặng sắt.

- Lắp đặt hệ thống điện.

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Chi tiết: Mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành điện.

- Bán buôn tổng hợp.

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác

Chi tiết: Đầu tư xây dựng công trình thủy điện.

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt.

- Khai thác quặng kim loại quý hiếm.

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.



- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Chi tiết: Kinh doanh khách sạn.

- Sản xuất điện (*Chính*)

Chi tiết: Sản xuất điện, vận hành Nhà máy điện.

- Truyền tải và phân phối điện.

Chi tiết: Hoạt động mua bán điện.

- Xây dựng nhà để ở.

Chi tiết: Đầu tư xây dựng nhà để ở.

- Xây dựng nhà không để ở.

Chi tiết: Đầu tư xây dựng văn phòng, trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn.

- Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.

- Sửa chữa máy móc, thiết bị.

- Sửa chữa thiết bị điện.

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Chi tiết: Kiểm tra, đo lường, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị Nhà máy thủy điện.

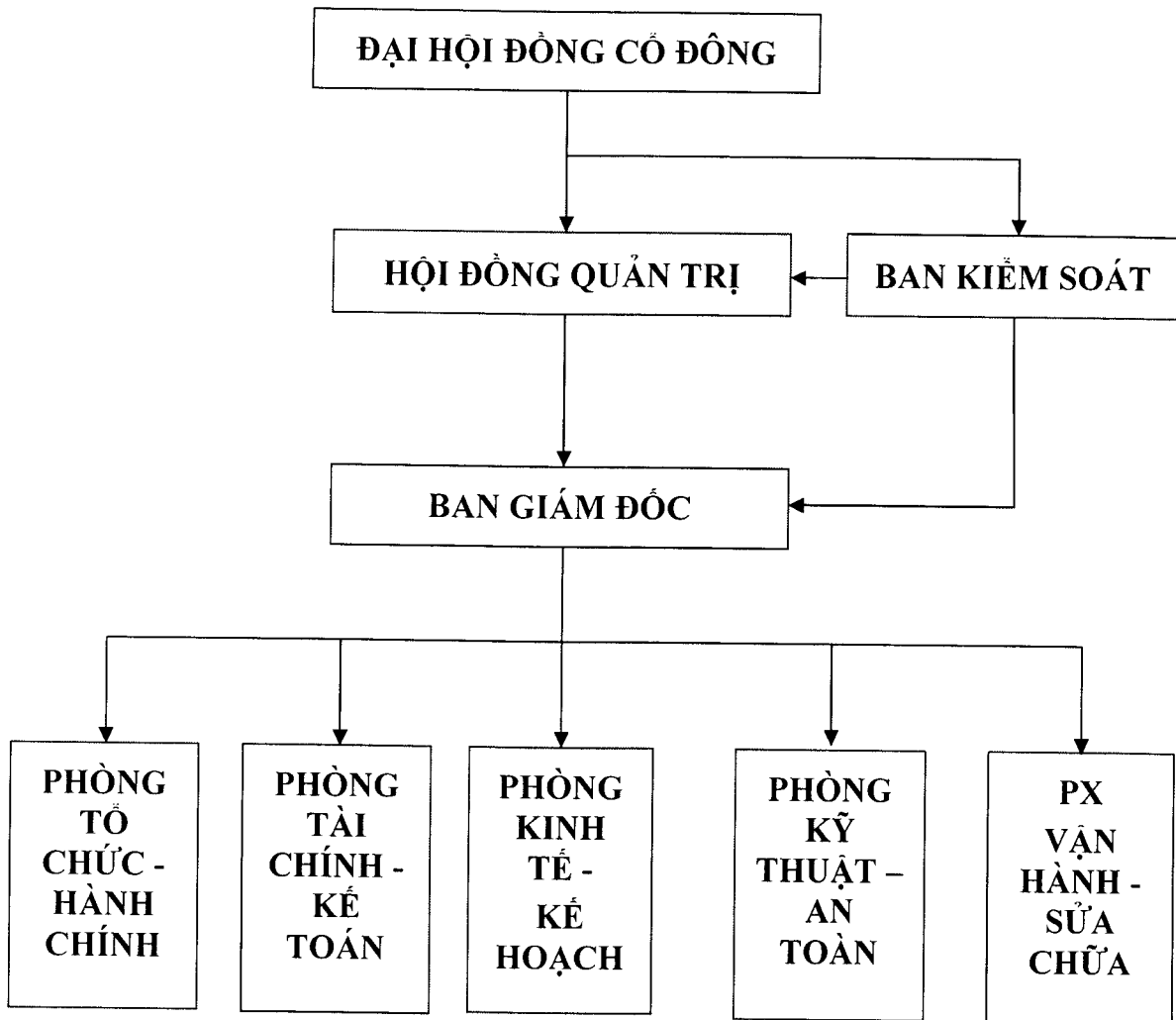
- Hoạt động tư vấn quản lý.

Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý dự án; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình.

3.2. Địa bàn hoạt động

Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na có trụ sở chính tại Tầng 9 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Nhà máy thủy điện Hòa Na tại xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na (ĐHĐCĐ) gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định và phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tăng (giảm) vốn Điều lệ, phân chia lợi nhuận, cổ tức; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm HĐQT, Ban kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 01 (một) Chủ tịch HĐQT và 04 (bốn) thành viên với nhiệm kỳ 05 (năm) năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của



ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Ban giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

4.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các Cổ đông. Ban kiểm soát gồm 01(một) Trưởng ban chuyên trách và 02 (hai) thành viên với nhiệm kỳ 05 năm do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

4.4. Ban giám đốc

Ban giám đốc của Công ty gồm 01 Giám đốc và 03 Phó giám đốc. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT về tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề xuất của Giám đốc.

4.5. Khối điều hành

4.5.1. Phòng Tổ chức – Hành chính.

Phòng Tổ chức – Hành chính là bộ phận tham mưu chuyên môn trực thuộc Giám đốc. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về: Công tác tổ chức nhân sự, đào tạo, tuyển dụng cán bộ; Công tác lương, thưởng, chế độ, chính sách; Công tác văn thư văn phòng, quản trị hành chính, lễ tân, lái xe, bảo vệ; Công tác đối ngoại của Công ty.

4.5.2. Phòng Kinh tế - Kế hoạch

Là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc về công tác kế hoạch đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh; chào giá điện, mua bán vật tư, thiết bị cơ điện; hợp đồng kinh tế trong và ngoài nước.

4.5.3. Phòng Tài chính – Kế toán

Tham mưu cho Giám đốc, Hội đồng quản trị về lĩnh vực Tài chính Kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bao gồm:

- Đề xuất các hình thức và giải pháp cần thiết nhằm thu hút, tạo lập và sử dụng hợp lý các nguồn tài chính, các quỹ tiền tệ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.
- Giúp Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty: chấp hành các quy định về tài chính, tín dụng, chế độ kế toán của Nhà nước cũng như của Công ty, kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động kinh tế trong Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Công ty.



- Đảm bảo đáp ứng đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty.

4.5.4. Phòng Kỹ thuật – An toàn

Tham mưu giúp Giám đốc chỉ đạo quản lý các công tác, bao gồm:

- Công tác quản lý kỹ thuật của Công ty.
- Kỹ thuật an toàn, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão và bảo vệ môi trường.
- Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
- Áp dụng khoa học công nghệ, tiêu chuẩn hóa, công nghệ thông tin, viễn thông và hệ thống quản lý, sản xuất.
- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực phân chuyên môn kỹ thuật.

4.5.5. Phân xưởng Vận hành – Sửa chữa

Phân xưởng Vận hành – Sửa chữa gồm 02 bộ phận: bộ phận trực tiếp thực hiện công tác vận hành Nhà máy thủy điện Hủa Na và bộ phận sửa chữa các thiết bị của nhà máy khi hỏng hóc hoặc đến thời gian bảo trì.

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu

- Xây dựng và phát triển Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na ngày càng vững mạnh, đa dạng ngành nghề, lấy lĩnh vực sản xuất điện làm trọng tâm, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo sự phát bền vững mang lại doanh thu và lợi nhuận cao.
- Xây dựng chiến lược chào giá điện “linh hoạt” để nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường điện. Đây cũng chính là quá trình đơn vị tự "chuyên nghiệp hóa", nâng cao uy tín, sức mạnh cho mình, chuẩn bị cho việc tham gia Thị trường bán buôn điện cạnh tranh. Tăng cường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Tổ thị trường để nắm bắt thị trường nhanh nhạy, biết phân tích đánh giá và am hiểu các quy luật của thị trường; có khả năng phân tích hệ thống và nắm vững các đặc tính vận hành hồ chứa, thu thập, nắm bắt tình hình thủy văn qua các năm vận hành để có chiến lược chào giá phù hợp với từng giai đoạn, đem lại hiệu quả doanh thu cao nhất cho Công ty.
- Tăng cường học hỏi, phối hợp tốt và kịp thời với các đơn vị mua bán điện, Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia, Cục Điều tiết điện lực để khai thác tối đa lợi thế trên thị trường điện như: Có chiến lược chào giá hợp lý,



phân bố sản lượng Qc phù hợp với chế độ thủy văn của Nhà máy, thời gian thanh toán tiền điện nhanh nhất, tối ưu hóa công suất các tổ máy.

- Tiếp tục thực hiện vận hành theo quy trình đảm bảo an toàn, tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa nhà máy theo đúng định kỳ, thời điểm thích hợp tránh làm ảnh hưởng đến thời điểm phát điện hiệu quả của Nhà máy.
- Tiếp tục nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ vận hành, để chủ động hơn trong việc sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ và thường xuyên Nhà máy.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

↓ 2020-2025:

- Đảm bảo các tổ máy Nhà máy thủy điện Hòa Na vận hành ổn định, an toàn, hiệu quả, khai thác tối ưu lượng nước về hồ chứa Hòa Na.
- Có chiến lược hợp lý, có hiệu quả khi tham gia thị trường phát điện cạnh tranh và thị trường điện bán buôn cạnh tranh.
- Đầu tư sửa chữa và thay mới các thiết bị của nhà máy; thường xuyên duy trì bảo trì các công trình đường giao thông, hệ thống đập.
- Tăng cường công tác học hỏi, đào tạo cán bộ kỹ thuật để chủ động trong công tác vận hành và sửa chữa thiết bị của Nhà máy.

↓ 2025-2035

- Duy trì vận dụng tối đa khả năng phát điện của nhà máy thủy điện Hòa Na
- Tiến tới phát triển dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực cung cấp đào tạo, dịch vụ vận hành và dịch vụ sửa chữa nhà máy thủy điện.
- Tham gia đầu tư các lĩnh vực điện.
- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn kinh doanh, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối để có thể chủ động tìm kiếm các cơ hội đầu tư tài chính.

6. Các rủi ro

6.1. Rủi ro về kinh tế

Các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, tỷ giá ngoại tệ, ... sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na.

↓ Tăng trưởng kinh tế:

Những biến động của nền kinh tế vĩ mô ở trong và ngoài nước có tác động trực tiếp đến sự phát triển của các thành phần cũng như ngành kinh tế và tất nhiên ảnh hưởng gián tiếp đến việc tiêu thụ điện năng của người dân và doanh nghiệp. Mặc dù vậy, do nhu cầu sử dụng điện hiện tại vẫn ở mức cao nên sự thay đổi của nền kinh tế vĩ mô không ảnh hưởng nhiều. Hơn thế nữa, hiện tại nguồn cung cấp điện vẫn chưa đủ cho nhu cầu của cả nước và ngành điện vẫn đang được Chính phủ khuyến khích đầu tư.



✦ **Lạm phát:**

Lạm phát Việt Nam trong những năm gần đây đã được Chính phủ kiểm chế, kiểm soát; theo đánh giá chung thì tỷ lệ lạm phát không ảnh hưởng nhiều đến tiêu thụ điện năng và giá bán điện.

6.2. Rủi ro về pháp luật

Rủi ro về pháp luật là rủi ro mạng tính hệ thống, có ảnh hưởng đến nhiều mặt của xã hội nói chung và ngành điện nói riêng. Mọi thay đổi trong chính sách của Chính phủ đều có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động của Công ty.

Là một Công ty đại chúng quy mô lớn ngoài việc tác động của một số Luật như: luật Doanh nghiệp, luật Điện lực, luật Xây dựng, luật Đất đai, ... Công ty còn chịu sự chi phối của luật Chứng khoán. Việt Nam hiện vẫn đang trong diện các nước đang phát triển nên các văn bản luật vẫn còn sẽ phải chỉnh sửa. Sự thay đổi về chính sách và luật tất nhiên sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro về pháp luật liên quan đến cả một hệ thống, đòi hỏi các doanh nghiệp phải có những điều chỉnh để thích nghi.

Để giảm thiểu rủi ro về pháp luật, Công ty luôn duy trì việc cập nhật các quy định pháp luật mới đối với toàn bộ công nhân viên, đồng thời sẽ tham khảo thêm với các tổ chức tư vấn pháp luật khi cần thiết.

6.3. Rủi ro về thời tiết

Rủi ro về điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na. Sản lượng và hiệu quả của nhà máy thủy điện phụ thuộc chính vào nguồn năng lượng nước có khả năng tái tạo, dự trữ.

Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường sá và các công trình đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa. Tình hình cung ứng điện thay đổi theo mùa khô và mùa mưa, tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, rủi ro về thời tiết tồn tại trong suốt thời gian hoạt động của Công ty.

Công ty luôn theo sát những dự báo khí hậu và thủy văn để có những phương án, chiến lược chào giá, vận hành hồ chứa, chế độ phát điện, nhân lực để vận hành nhà máy đạt công suất cao nhất có thể và đảm bảo mức tiêu hao nước/1kWh thấp nhất. Ngoài ra, Công ty cũng chuẩn bị những phương án phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình đường giao thông, đập và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.

**6.4. Rủi ro khác**

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, bệnh dịch,...là những rủi do bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về PCCN, ATLD, đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy ...

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	TH/KH 2019	TH 2019/ TH 2018
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)/(5)	(8)=(6)/(4)
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	808,17	650,64	559,90	86%	69,3%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	883,23	710,39	668,95	94%	75,7%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	662,09	648,87	596,41	92%	90,1%
4	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	Tỷ đồng	221,14	61,52	72,54	118%	33%
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	182,20	158,02	141,20	89%	77,5%

✚ Tình hình sản xuất điện

Năm 2019 là năm có diễn biến khí hậu bất lợi cho các dự án thủy điện, hiện tượng Elnino trở lại trên diện rộng, hầu hết các nhà máy thủy điện đều có tình hình thủy văn rất kém. Đối với Nhà máy thủy điện Hòa Na kết quả sản lượng năm 2019 không đạt theo kế hoạch do lưu lượng nước về hồ trung bình tương đối thấp ~ 64,27 m³/s, chỉ bằng 65% so với trung bình nhiều năm (~ 98,42m³/s), tuy vậy do giá điện thị trường tương đối cao nên nhà máy đã tính toán, chào giá để chạy máy, khai thác tối đa hiệu quả nguồn nước, kết hợp công tác quản lý vận hành, bảo trì sửa chữa kịp thời đảm bảo các hệ thống



thiết bị, nhà máy hoạt động ổn định và an toàn. Do vậy mặc dù sản lượng điện chỉ đạt 86% so với kế hoạch nhưng lợi nhuận vẫn đạt 118% so với kế hoạch năm 2019.

✦ **Công tác vận hành, bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa, mua sắm vật tư thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa.**

- Công tác vận hành, sửa chữa thường xuyên: Trong năm nhà máy vận hành an toàn, không có sự cố bất thường xảy ra và đáp ứng theo kế hoạch huy động điện của Trung tâm điều độ, phù hợp với tình hình thủy văn và chiến lược kinh doanh của Nhà máy trong hoạt động thị trường điện cạnh tranh. Đội ngũ CBCNV thực hiện đúng quy trình và các yêu cầu kỹ thuật, an toàn trong quá trình quản lý vận hành, sửa chữa thường xuyên nhà máy.

- Công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ Nhà máy: Hoàn thành trung tu nhà máy theo định kỳ hệ thống thiết bị đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vận hành an toàn, ổn định, đảm bảo sản xuất kinh doanh hiệu quả; Thay thế các máy biến điện áp (TU, TI) theo yêu cầu của EVN/EPTC đảm bảo chất lượng, yêu cầu kỹ thuật.

- Công tác bảo trì công trình xây dựng: Các hạng mục công trình nhà máy hầu hết chưa phải bảo trì lớn, Công ty chỉ thực hiện các công tác bảo trì cơ bản như sửa chữa các hạng mục rãnh thoát nước, mái cơ các hạng mục công trình chính và đường vận hành, gia cố khơi thông kênh xả và các hệ thống tiêu thoát nước bị ảnh hưởng sau mùa mưa bão.

- Công tác đầu tư xây dựng: Trong năm 2019 Công ty đã đầu tư xây dựng hoàn thiện các khu nhà 01 tầng kiên cố kèm các hạng mục phụ trợ ngay tại khu vực Nhà máy để thuận tiện cho CBCNV trực tiếp làm việc, nâng cao đời sống cho CBCNV, bao gồm các hạng mục: Nhà làm việc; nhà ở; khu thể thao; các hạng mục phụ trợ điện, nước, khuôn viên kèm theo.

✦ **Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm khác**

- Công tác quyết toán: Năm 2019, Công ty đã hoàn thành quyết toán bổ sung dự án đến 29/2/2019 với giá trị 191,08 tỷ đồng. HĐQT của Công ty đã ghi nhận giá trị làm cơ sở hạch toán tăng tài sản công trình. Đối với các nội dung còn tồn tại với giá trị theo TMĐT còn khoảng 65,7 tỷ đồng (nếu không có phát sinh), sau khi hoàn thành Công ty sẽ khẩn trương quyết toán toàn bộ theo quy định.

- Công tác bồi thường TĐC còn lại:

Năm 2019 Công ty đã phối hợp với UBND huyện Qué Phong hoàn thành một số nội dung đang còn tồn tại như: công tác giao đất lúa nước; điều



chính quy hoạch sử dụng đất chung của huyện; xử lý dứt điểm một số vướng mắc trong công tác giao đất còn tồn tại,...

Tuy nhiên đến nay vẫn còn một số vướng mắc lớn đang tiếp tục triển khai và đang chờ ý kiến chỉ đạo của các cấp thẩm quyền để tiếp tục thực hiện như: Hỗ trợ gạo bổ sung sau 48 tháng do chưa hoàn thành giao đất sản xuất; công tác giao đất nông nghiệp trồng cây hàng năm và giao đất lâm nghiệp; công tác bồi thường đối trừ giá trị quyền sử dụng đất đối với đất Nông nghiệp.

- Công tác an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và ATVSMT.

+ Công tác an toàn vệ sinh lao động: Thường xuyên tổ chức tuyên truyền công tác ATVSLĐ-PCCN-BVMT cho các CBCNV trong Công ty. Năm 2019 đã huấn luyện ATVSLĐ cho 115 người; huấn luyện, cấp thẻ an toàn điện cho 59 người; tham gia đầy đủ các khoá huấn luyện của Tổng Công ty, Tập đoàn Dầu khí, Sở LĐTBXH tổ chức; Đã thực hiện che chắn tại các vị trí nguy hiểm, đảm bảo độ tin cậy của các cơ cấu an toàn; chống nóng, chống bụi, chống ồn tại các vị trí trực thường xuyên; đảm bảo việc chiếu sáng, thông gió, thoát nước...đủ điều kiện. Thực hiện việc cấp phát các trang thiết bị, phương tiện bảo vệ cá nhân đầy đủ, đúng mục đích cho từng công việc; Trong năm đã thực hiện việc khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, bố trí phòng và cán bộ trực y tế tại Nhà máy, trang bị tủ thuốc cấp cứu, phương tiện cấp cứu tại chỗ như băng ca, nẹp và đã thực hiện diễn tập các tình huống cấp cứu thông dụng.

+ Công tác PCCC: Công ty đã lập phương án PCCC của Nhà máy và được cảnh sát PCCC Nghệ An phê duyệt. Năm 2019 đã phối hợp với trung tâm huấn luyện nghiệp vụ PCCC&CNCH tỉnh Nghệ An huấn luyện và cấp chứng chỉ cho 72 CBCNV. Đã lập sổ theo dõi hoạt động PCCC, thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động; kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị điện theo chế độ định kỳ hàng năm; kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị, phương tiện PCCC hàng tháng, có phiếu kiểm tra các bình chữa cháy đầy đủ.

+ Công tác quản lý môi trường: Việc quan trắc môi trường được Công ty thực hiện với tần suất 02 lần/năm; đã thực hiện ký hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với đơn vị xử lý chất thải chuyên ngành; thực hiện đầy đủ các báo cáo về môi trường định kỳ gửi các cấp quản lý theo yêu cầu.

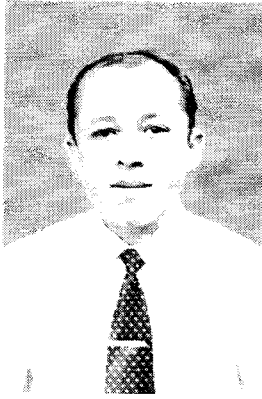
**2. Tổ chức nhân sự.****2.1. Danh sách Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát**

TT	Họ và tên	Chức vụ
I	Hội đồng quản trị	
1	Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT
2	Trịnh Bảo Ngọc	Thành viên HĐQT - Giám đốc
3	Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên HĐQT- Phó giám đốc
4	Lê Hải Long	Thành viên HĐQT
5	Vũ Văn Tâm	Thành viên HĐQT
II	Ban điều hành	
1	Trịnh Bảo Ngọc	Giám đốc
2	Nguyễn Xuân Sơn	Phó Giám đốc
3	Trần Văn Biên	Phó Giám đốc
4	Bùi Huy Thành	Phó Giám đốc
5	Võ Trung Chính	Kế toán trưởng
III	Ban Kiểm soát	
1	Trần Thị Thu Hà	Trưởng Ban kiểm soát
2	Văn Tuấn Thạch	Thành viên Ban kiểm soát
3	Phạm Thị Minh Tâm	Thành viên Ban kiểm soát

2.1. Tóm tắt lý lịch:

↓ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Hoàng Xuân Thành - Chủ tịch Hội đồng quản trị



- Ngày sinh: 13/6/1968
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Lạc Sơn, Đô Lương, Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: số nhà 3/2 ngõ 39 đường Vạn An, Khối Liên Cơ, Hưng Bình, Vinh, Nghệ An
- Số CMND: 181929789; ngày cấp: 20/12/2007; nơi cấp: Nghệ An
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

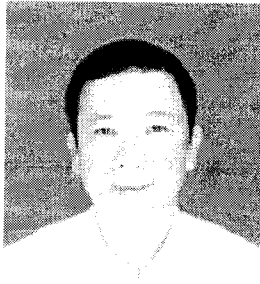
- Quá trình công tác:
 - 9/1990 ÷ 8/1991: Cán bộ thanh tra tài chính - Sở Tài chính Nghệ Tĩnh
 - 9/1991 ÷ 4/1993: Cán bộ thanh tra tài chính - Sở Tài chính Hà Tĩnh
 - 5/1993 ÷ 5/2007: Thanh tra viên, thanh tra viên chính, phó chánh Thanh tra Tài chính - Sở Tài chính Nghệ An .
 - 5/2007 ÷ 12/2014: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na
 - 01/2015 ÷ 4/2018: Thành viên HĐQT, kiêm Phó Giám đốc – Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na
 - 4/2018 ÷ Hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 7.600 cổ phần chiếm 0,003% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện 859.227.600 cổ phần chiếm 38,076% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam)
 - + Những người có liên quan: Không

Ông Trịnh Bảo Ngọc - Thành viên HĐQT, Giám đốc



- Ngày sinh: 12/4/1966
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: 29 Trần Phú, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, Thanh Hóa
- Số CMND: 013263779; ngày cấp: 6/02/2010; nơi cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác:
 - 7/1989 ÷ 5/1995: Cán bộ kỹ thuật - Tổng Công ty Dầu tầm tư Bảo Lộc, Lâm Đồng.
 - 6/1995 ÷ 8/1996: Trưởng phòng vật tư - Tổng Công ty Dầu tầm tư Bảo Lộc.
 - 9/1996 ÷ 12/1997: Cán bộ kỹ thuật - Nhà máy Đường tại Thạch Thành, Thanh Hóa.
 - 01/1998 ÷ 7/1999: Cán bộ KT - Nhà máy Đường Quỳnh Hợp, Nghệ An.
 - 7/1999 ÷ 10/2001: Trưởng phòng kỹ thuật - Văn phòng đại diện Lilama tại công trình nhà máy xi măng Hoàng Mai
 - 11/2001 ÷ 2/2004: Cán bộ kỹ thuật - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.
 - 3/2004 ÷ 10/2005: Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Xi măng Thăng Long.
 - 11/2005 ÷ 6/2007: Cán bộ kỹ thuật – Ban điều hành (LILAMA) Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng.
 - 7/2007 ÷ 10/2014: Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Nà
 - 11/2014 ÷ Hiện tại: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc - Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Nà.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 7.600 cổ phần chiếm 0,003% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 34.650.000 cổ phần chiếm 15,355% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam)
 - + Những người có liên quan: Không

Ông Nguyễn Xuân Sơn - Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc



- Ngày sinh: 11/6/1966
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Sơn Thịnh - Hương Sơn - Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Khối 6, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Số CMND: 181287190; Ngày cấp: 29/11/2008; nơi cấp: CA Nghệ An
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 7/1987 ÷ 6/1990: Cán bộ Kỹ thuật - Công ty Công Nông nghiệp 3-2, Nghệ An.
 - 7/1990 ÷ 12/1997: Đội trưởng sản xuất - Công ty Nông Công nghiệp 3-2, Nghệ An
 - 01/1998 ÷ 4/2004: Trưởng phòng Sản xuất - Kinh doanh Công ty Nông Công nghiệp 3-2, Nghệ An
 - 5/2004 ÷ 3/2007: Đội trưởng sản xuất - Công ty Nông Công nghiệp 3-2, Nghệ An
 - 4/2007 ÷ 8/2007: Phó trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh
 - 8/2007 ÷ 12/2007: Phó trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
 - 1/2008 ÷ 4/2016: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
 - 4/2016 ÷ 4/2018: Phó Giám đốc - Công ty CP thủy điện Hòa Na
 - 4/2018 ÷ Hiện tại: Thành viên HĐQT, kiêm Phó giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 5.700 cổ phần chiếm 0,0025% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 34.650.000 cổ phần chiếm 15,355% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam)
 - + Sở hữu đại diện: Không
 - + Những người có liên quan: Không



Ông Lê Hải Long - Thành viên HĐQT

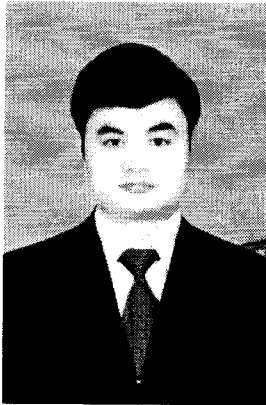


- Ngày sinh: 31/01/1971
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Ứng Hòa, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 144, đường Ngô Quyền, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Số CMND: 001071004126 ngày cấp: 05/5/2015 nơi cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng, cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác:
 - 01/1996 ÷ 8/2001: Chuyên viên - Công ty xây dựng SunWay
 - 8/2001 ÷ 11/2007: Kiểm toán viên - Công ty kiểm toán Việt Nam (VACO) thành viên Kiểm toán Deloitte
 - 11/2007 ÷ 07/2008: Kiểm toán viên - Công ty TNHH kiểm toán VACO
 - 7/2008 ÷ 6/2012: Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Chuyên viên ban Tài chính kế toán và kiểm toán
 - 6/2012 ÷ Hiện tại: Phó Trưởng ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
 - 6/2012 ÷ 6/2013: Thành viên BKS - Công ty CP thủy điện Hòa Na
 - 06/2013 ÷ 4/2018: Trưởng BKS - Công ty CP Thủy điện Hòa Na
 - 4/2018 ÷ Hiện tại: Thành viên HĐQT – Công ty CP thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Trưởng ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện: 34.650.000 cổ phần chiếm 15,355% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam)
 - + Những người có liên quan: không



Ông Vũ Văn Tâm – Thành viên Hội đồng quản trị



- Ngày sinh: 05/07/1972
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Nhà 27, ngõ 265, Ngô Xuân Quảng, TT Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội
- Hộ chiếu: B8232057, ngày cấp: 14/8/2013 nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kinh tế

- Quá trình công tác:
 - 1989 ÷ 1990: Đại học Ngoại ngữ Hà Nội
 - 1990 ÷ 2002: Sinh viên, nghiên cứu sinh – Học viện Nông nghiệp Moskva Liên Bang Nga
 - 2003 ÷ 2005: Chuyên viên kinh tế phòng Quản lý Dự án – Ngân hàng TMCP Quân Đội
 - 2005 ÷ 2007: Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần đầu tư An Lạc.
 - 2007 ÷ Hiện tại: Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính và BĐS Việt; Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính và BĐS Việt.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện: 1.920.000 cổ phần chiếm 0,85% vốn điều lệ (đại diện vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính và BĐS Việt)
 - + Những người có liên quan: không

Ông Trần Văn Biên - Phó Giám đốc



- Ngày sinh: 05/02/1961
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nghĩa Phú, Nghĩa Hưng, Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
- Số CMND: 113346612; ngày cấp: 22/3/2006; nơi cấp: CA Hòa Bình
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ nhiệt luyện

- Quá trình công tác:
 - 12/1984 ÷ 4/1995: Cán bộ kỹ thuật - Công ty Lilama 10
 - 5/1995 ÷ 5/2006: Đội trưởng thi công - Công ty Lilama 10
 - 6/2006 ÷ 9/2006: Phó trưởng phòng KTKT - Công ty Lilama 10
 - 10/2006 ÷ 6/2007: Chỉ huy trưởng công trình - Công ty Lilama 10
 - 06/2007 ÷ 11/2011: Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
 - 12/2011 ÷ Hiện tại: Phó Giám đốc - Công ty CP thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 5.700 cổ phần chiếm 0,0025% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: Không
 - + Những người có liên quan: Không



Ông Bùi Huy Thành – Phó giám đốc



- Ngày sinh: 30/4/1980
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Diễn Hùng, Diễn Châu, Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Phòng 1705, Chung cư Green view, Phường Lê Lợi, TP Vinh, Nghệ An;
- Số CMND: 182543016; ngày cấp: 31/3/2000; Nơi cấp: CA Nghệ An
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

- Quá trình công tác:
 - 8/2006 ÷ 7/2007: Cán bộ kỹ thuật - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam
 - 7/2007 ÷ 7/2009: Cán bộ kỹ thuật - Công ty CP Thủy điện Hủa Na
 - 7/2009 ÷ 11/2011: Phó phòng Kỹ thuật - Công ty CP Thủy điện Hủa Na
 - 11/2011 ÷ 06/2013: Trưởng phòng KT - Công ty CP Thủy điện Hủa Na
 - 06/2013 ÷ 4/2018: Thành viên BKS - Công ty CP Thủy điện Hủa Na
 - 8/2018 ÷ Hiện tại: Phó giám đốc - Công ty CP thủy điện Hủa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 4.300 cổ phần chiếm 0,002% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: Không
 - + Những người có liên quan: 950 cổ phần.

Ông Võ Trung Chính - Kế toán trưởng



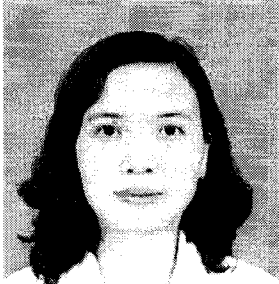
- Ngày sinh: 08/5/1974
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: số nhà 03 đường Nguyễn Sỹ Quế, phường Hưng Dũng, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
- Số CMND: 181936068; ngày cấp: 22/11/2008; nơi cấp: CA Nghệ An
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác:
 - 02/1995 ÷ 6/2003: Cán bộ phòng Tài chính Kế toán - Công ty Lắp máy và Xây dựng 45-4
 - 7/2003 ÷ 7/2007: Phó phòng Tài chính kế toán - Công ty TNHH BOT Thủy điện Bảo Lộc
 - 8/2007 ÷ 12/2014: Phó phòng Tài chính kế toán - Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
 - 01/2015 ÷ Hiện tại: Kế toán trưởng - Công ty CP Thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 4.300 cổ phần chiếm 0,002% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: Không
 - + Những người có liên quan: Không



↓ **BAN KIỂM SOÁT**

Bà Trần Thị Thu Hà – Trưởng Ban kiểm soát

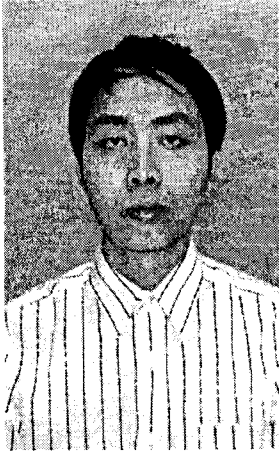


- Ngày sinh: 23/9/1983
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: xã Xuân Đan, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Khối 14, phường Hà Huy Tập, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
- Số CMND: 186021198; ngày cấp: 29/12/2015; nơi cấp: CA Nghệ An
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán; Thạc sỹ quản trị kinh doanh

- Quá trình công tác:
 - 08/2006 ÷ 6/2007: Nhân viên phòng Nghiệp vụ 1 – Công ty CP ĐT & Hợp tác kinh tế Việt Lào
 - 06/2007 ÷ 10/2017: Nhân viên phòng Tài chính Kế toán – Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na
 - 10/2017 ÷ 04/2018: Phó phòng Tài chính Kế toán – Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na
 - 04/2018 ÷ Hiện tại: Trưởng BKS - Công ty CP thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 1.625 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện: 0%
 - + Những người có liên quan: không



Ông Văn Tuấn Thạch – Thành viên Ban kiểm soát



- Ngày sinh: 10/01/1983
 - Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Thanh Chương – Nghệ An
 - Địa chỉ thường trú: Nhà 5 ngõ 53 – phố Dịch Vọng – Cầu giấy – Hà Nội
 - Số CMND: 040083000657; Ngày cấp: 30/3/2017
Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán và kiểm toán
-
- Quá trình công tác:
 - 12/2008 ÷ 01/2019 Chuyên viên Ban tài chính kế toán và kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
 - 01/2019 ÷ Hiện tại: Chuyên viên Ban Kiểm soát nội bộ - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
 - 06/2013 ÷ Hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên viên Ban Kiểm soát nội bộ - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: không
 - + Sở hữu đại diện: không
 - + Những người có liên quan: không

Bà Phạm Thị Minh Tâm – Thành viên Ban kiểm soát



- Ngày sinh: 16/02/1977
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: P204 – D18 TT Phương Mai, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội
- Số CMND: 040177000436; Ngày cấp: 08/05/2017
Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Đầu tư, Thạc sỹ Quản lý dự án Đầu tư
- Quá trình công tác:
 - 09/1999 ÷ 02/2004: Phòng Kinh tế - Viện nghiên cứu Thủy Sản – Bộ Thủy Sản
 - 02/2004 ÷ 12/2004: Tham gia khóa học tiền du học theo chương trình học bổng của chính phủ Úc
 - 03/2005 ÷ 7/2007: Học chương trình thạc sỹ Quản lý dự án tại Trường Đại học Queensland, Úc
 - 05/2008 ÷ 03/2012: Trưởng bộ phận/chuyên viên – Khối đầu tư – Ngân hàng TMCP Quân Đội
 - 04/2012 ÷ 06/2015: Thành viên chuyên trách VP Triển khai chiến lược – Ngân hàng TMCP Quân Đội
 - 07/2015 ÷ 08/2019: Trưởng phòng Đầu tư kinh doanh – Khối đầu tư Nhân hàng TMCP Quân đội; Thành viên Ban kiểm soát – Công ty CP Thủy điện Hòa Na
 - 08/2019 ÷ Hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Chứng khoán MB; Thành viên Ban kiểm soát – Công ty CP Thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: Không
 - + Sở hữu đại diện: Không
 - + Những người có liên quan: Không

2.3. *Những thay đổi trong Ban điều hành: Không*

2.4. *Nguồn nhân lực:*

STT	Phân loại	Số lượng cuối kỳ	Tỷ lệ
1	Theo giới tính:		
-	Nam	99	84,62%
-	Nữ	18	15,38%
2	Theo hợp đồng lao động:		
-	Toàn thời gian	117	100%
-	Bán thời gian		
3	Theo trình độ:		
-	Đại học và trên đại học	54	46,15%
-	Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	48	41,03%
-	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	10	8,55%
-	Phổ thông	5	4,27%
4	Theo chức vụ:		
-	Quản lý	12	10,26%
-	Văn phòng	43	36,75%
-	Công nhân	62	52,99%
	TỔNG SỐ	117	





Do đặc thù ngành nghề của công ty đòi hỏi kỹ thuật và địa bàn hoạt động tại khu vực xa trung tâm nên số lượng lao động nữ ít hơn so với lao động nam. Cụ thể lao động nữ chiếm 15,38% so với tổng số CBCNV.

Là một công ty liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh điện nên số lượng công nhân của Công ty chiếm số lượng lớn trong cơ cấu của Công ty, chiếm 52,99%.

Nhân sự của Công ty có trình độ từ đại học trở lên chiếm 46,15% và cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp chiếm 41,03% cơ cấu nhân viên trong công ty tham gia vào công tác sản xuất của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

Năm 2019 Công ty đã hoàn thành đầu tư xây dựng khu cư xá cho cán bộ công nhân viên cùng hệ thống hạ tầng sân vườn, điện nước; Hoàn thành xây dựng khu thể thao; Hiện tại Công ty đang xây dựng, hoàn thiện khu nhà ở cho các hộ gia đình làm việc tại khu vực nhà máy, đảm bảo nhu cầu làm việc, ăn ở và sinh hoạt cho CBCNV tại Nhà máy.

4. Tình hình tài chính.

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018 (VNĐ)	Năm 2019 (VNĐ)	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	4.707.774.510.872	4.289.230.232.824	91,11%
Doanh thu thuần	875.057.646.614	661.951.613.312	75,65%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	220.513.807.808	74.770.726.293	33,91%
Lợi nhuận khác	628.668.143	- 2.188.262.846	
Lợi nhuận trước thuế	221.142.475.951	72.582.463.447	32,82%
Lợi nhuận sau thuế	217.416.073.774	68.340.097.004	31,43%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0

**4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% Thay đổi
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	0,58	0,32	54,94%
	Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	0,55	0,28	50,90%
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,48	0,41	86,24%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,91	0,70	76,65%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	37,97	18,50	48,72%
	Vòng quay khoản phải thu	9,32	7,99	85,75%
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,19	0,15	83,03%
4	Chỉ tiêu khả năng về sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	0,25	0,10	41,55%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	0,09	0,03	30,66%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	0,05	0,02	34,50%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	0,25	0,11	45,46%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.**5.1. Cổ phần.**

Tại thời điểm 14/10/2019, thông tin Cổ phần của Công ty như sau:

- Vốn điều lệ của Công ty: 2.256.592.100.000 đồng.
- Tổng số cổ phần niêm yết: 225.659.210 cổ phần
- Tổng số cổ phần lưu hành: 225.659.210 cổ phần
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 225.659.210 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/1 cổ phần

**5.2. Cơ cấu Cổ đông:**

Theo loại hình sở hữu

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	(Tỷ lệ %)
1	Cổ đông trong nước	225.624.110	99,98%
	- Tổ chức	223.797.095	99,17%
	- Cá nhân	1.827.015	0,81%
2	Cổ đông nước ngoài	35.100	0,02%
	- Tổ chức	35.100	0,02%
	- Cá nhân	-	-

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Cổ đông Nhà nước	189.872.760	84,14%
2	Cổ đông sáng lập	198.592.787	88,01%
3	Cổ đông lớn (sở hữu \geq 5% vốn CP)	201.422.760	89,26%
	- Trong nước	201.422.760	89,26%
	- Nước ngoài	0	0%
4	Các cổ đông khác	24.236.450	10,74%
	- Trong nước	24.201.350	10,72%
	- Nước ngoài	35.100	0,02%

Danh sách cổ lớn

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
1	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam-CTCP	0102276173	Tầng 8,9 Tòa nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, Q. Cầu Giấy, Hà Nội	189.872.760	84,141%
2	Ngân hàng TMCP Bắc Á	2900325526	Số 117 Quang Trung, TP phố Vinh, Nghệ An	11.550.000	5,118%

5.3. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có.

5.4. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

5.5. **Các chứng khoán khác:** Không có

6. **Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

6.1. **Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty (vận hành Nhà máy thủy điện Hòa Na) trong năm:

- Dầu tuabin được bổ sung cho các ổ đỡ, ổ hướng tuabin, hệ thống điều tốc, hệ thống van đĩa ... do bị rò rỉ dầu khi vận hành trong năm 2019 với số lượng: 1.970 lít;

- Số lượng dầu máy biến thế sử dụng trong năm 2019 là: 350 lít.

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: *Không*.

6.2. **Tiêu thụ năng lượng:**

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 827,7 MWh.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: 623.390 kWh.

c. Sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến: *Không có*.

6.3. **Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm).**

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Sử dụng nước mặt sông Chu để sản xuất điện; lượng nước mặt đã sử dụng để sản xuất điện năm 2019 vào khoảng: 3,45 tỷ m³.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng; *Không*. Đơn vị chỉ khai thác sử dụng nước mặt sông Chu để sản xuất điện.

6.4. **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không*.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không*.



6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

- a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động
 - Tổng số lao động bình quân năm 2019 là: 117 người
 - Thu nhập bình quân năm 2019 là 18,02 triệu đồng/người/tháng.
- b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động
 - *Chế độ làm việc:* Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ với người lao động theo đúng quy định của Pháp luật về lao động. Thỏa ước lao động tập thể và các đặc thù đối với người lao động ngành điện.
 - *Chính sách tuyển dụng:* Công ty đang thực hiện áp dụng chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động có trình độ, kinh nghiệm về công tác lâu dài tại Công ty.
 - *Chính sách lương thưởng và phúc lợi:* Công ty có chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi nhằm khuyến khích người lao động nhất là lao động có kinh nghiệm, lao động chuyên môn nghiệp vụ làm việc lâu dài tại công ty.
- c. Hoạt động đào tạo người lao động
 - *Chính sách đào tạo:* Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực: i) Tăng cường liên kết với các đối tác trong và ngoài nước, các nhà cung cấp chế tạo thiết bị để tham quan, học hỏi và phối hợp tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật chuyên ngành trong vận hành, bảo trì sửa chữa và quản lý kỹ thuật Nhà máy thủy điện, đồng thời hợp tác đào tạo với các Công ty, Nhà máy trong cùng lĩnh vực; ii) Nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ vận hành để chủ động hơn trong việc sửa chữa bảo dưỡng định kỳ và thường xuyên. Thực hiện nghiêm túc quy trình quản lý vận hành, có tính đến hiệu quả sử dụng nguồn nước, tiếp tục nâng cao hệ thống quy trình vận hành tránh rủi ro cho Nhà máy; iii) Xây dựng chương trình đào tạo bắt buộc (quản lý - kỹ thuật) cho cán bộ lãnh đạo đương chức, cán bộ nguồn trước khi bổ nhiệm, xây dựng tiêu chuẩn tuyển dụng đối với từng vị trí công việc. Cử cán bộ quản lý có trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức tốt đi học tập tại các trung tâm đào tạo; iv) Chuẩn bị nguồn nhân lực cao để sẵn sàng trong công việc tiếp nhận công tác bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy trong những năm tiếp theo.



- *Tình hình thực hiện:* Năm 2019, Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện các khóa đào tạo ngắn và trung hạn cho CBCNV, cụ thể: Học hỏi kinh nghiệm quản lý vận hành - sửa chữa tại Nhà máy Thủy điện Đăkrinh năm 2019; Bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ & Cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho CBCNV; Tham gia khóa đào tạo " Nâng cao tay nghề về thí nghiệm điện cao áp" tại Nhà máy thủy điện Đăkble - Gia Lai; Tham gia khóa học ngắn hạn về thợ Ngụội...với tổng kinh phí là 1.004 triệu đồng.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Song song với việc sản xuất kinh doanh của Công ty, được sự quan tâm của Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty, trong năm 2019 Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, cụ thể: Chuyển tiền ủng hộ chương trình " Tết vì người nghèo - Kỳ Hợi " của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An; Chuyển tiền ủng hộ nhân dịp tết cho Đồng bào Tái định cư Thủy điện Hòa Na; Cung cấp máy tính để bàn trang bị cho phòng tin học tại trường tiểu học xã Lạc Sơn, huyện Đô Lương, Nghệ An; Trường Tiểu học Đồng Văn 1; Quỹ ủng hộ người nghèo năm 2019.... với số tiền 146,5 triệu đồng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh.

1.1. Các chỉ tiêu chủ yếu.

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	TH/KH 2019
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	650,64	559,90	86%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	710,39	668,95	94%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	648,87	596,41	92%
4	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	Tỷ đồng	61,52	72,54	118%
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	158,02	141,20	89%

- Công ty luôn duy trì và áp dụng theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 và Thực hành 5S.
- Kiểm soát chặt chi phí sản xuất kinh doanh đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật.



- Công tác vận hành nhà máy, điều tiết hồ chứa thuận lợi do 2 tổ máy đều ở chế độ sẵn sàng vận hành theo huy động của hệ thống.
- Công tác sửa chữa thường xuyên, bảo dưỡng công trình thiết bị được tiến hành đều đặn, theo đúng kế hoạch. Đối với những hạng mục cần thiết phải làm ngay sẽ triển khai tự làm (nếu được) hoặc thuê đơn vị ngoài. Đối với các hạng mục bảo trì thuộc kế hoạch năm nhưng chưa bị hỏng hóc theo dự kiến, hoặc chưa ảnh hưởng đến quá trình hoạt động sản xuất thì Công ty chủ động lùi lại thời gian thích hợp để cân đối nguồn chi phí, ưu tiên cho những công việc thích hợp, cần thiết hơn. Trong công tác bảo trì cũng như các công tác khác sử dụng dịch vụ, Công ty luôn thực hiện đầy đủ quy trình, hồ sơ, thủ tục theo quy định.
- Công tác điều hành quản lý vận hành chấp hành tốt các quy trình, quy phạm, nội dung, quy định của Công ty. Trong năm Công ty đã đảm bảo được an toàn trong sản xuất, vận hành đúng phương thức, không để xảy ra cháy nổ và tai nạn lao động.
- Năm 2019 là năm có diễn biến khí hậu bất lợi cho các nhà máy thủy điện, hiện tượng Elnino trở lại trên diện rộng, hầu hết các nhà máy thủy điện đều có tình hình thủy văn rất kém. Đối với Nhà máy thủy điện Hủa Na kết quả sản lượng năm 2019 chưa đạt theo kế hoạch do lưu lượng nước về hồ trung bình rất thấp (khoảng ~ 60,84 m³/s), chỉ bằng 64% so với trung bình nhiều năm (~ 94,96m³/s), tuy vậy do giá điện thị trường tương đối cao kết hợp nhà máy đã tính toán, chào giá phù hợp, khai thác tối đa hiệu quả nguồn nước, đồng thời công tác quản lý vận hành, bảo trì sửa chữa kịp thời đảm bảo các hệ thống thiết bị, công trình hoạt động ổn định và an toàn. Do vậy mặc dù sản lượng điện chỉ đạt 86%, nhưng doanh thu bán điện trước các thuế phí đạt 94% so với kế hoạch năm, kết hợp việc cân đối, tiết giảm chi phí nên lợi nhuận năm 2019 đạt khoảng 72,54 tỷ đồng/61,52 tỷ đồng, bằng 118% kế hoạch năm.

1.2. Những tiến bộ, kết quả đã đạt được

- Công tác sản xuất kinh doanh:
 - + Ban điều hành luôn luôn bám sát, chỉ đạo công tác thị trường điện để chào giá tối ưu và tiết kiệm nước đem lại lợi nhuận cao nhất từ thị trường điện.
 - + Với tình hình sản xuất kinh doanh năm 2019 không thuận lợi, nhưng doanh thu bán điện trước các thuế phí đạt 94% so với kế hoạch năm, kết hợp việc cân đối chi phí nên lợi nhuận năm 2019 đạt khoảng 72,54 tỷ đồng/61,52 tỷ đồng, bằng 118% kế hoạch năm, do vậy tình hình tài chính của Công ty hiện đang được đảm bảo.



- Công tác lao động tiền lương:
- + Tổng số lao động bình quân năm 2018 là: 117 người.
- + Thu nhập bình quân năm 2019 là 18,02 triệu đồng/người/tháng.

2. Tình hình tài chính:

*) Các chỉ tiêu chính

TT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	% 2019/2018
1	Tài sản ngắn hạn	362.743.096.925	190.792.507.996	52,6%
-	Tiền và các khoản tương đương tiền	149.539.905.743	120.711.063.153	80,72%
-	Đầu tư tài chính ngắn hạn	42.000.000.000	0	0%
-	Các khoản phải thu ngắn hạn	152.033.294.398	46.080.395.231	30,31%
-	Hàng tồn kho	19.094.151.105	23.347.053.038	122,27%
-	Tài sản ngắn hạn khác	75.745.679	653.996.574	863,41%
2	Tài sản dài hạn	4.345.031.413.947	4.098.437.724.828	94,32%
-	Tài sản cố định	4.143.163.240.616	4.064.729.244.982	98,11%
-	Tài sản dở dang dài hạn	193.363.011.101	20.000.653.836	10,34%
-	Tài sản dài hạn khác	8.505.162.230	13.707.826.010	161,17%
	Tổng tài sản (1+2)	4.707.774.510.872	4.289.230.232.824	91,11%
3	Nợ phải trả	2.241.730.771.634	1.761.430.274.414	78,57%
-	Nợ ngắn hạn	621.063.415.966	594.578.119.571	95,74%
-	Nợ dài hạn	1.620.667.355.668	1.166.852.154.843	72%

*) Tài sản

Nhìn chung, tài sản của Công ty không biến động nhiều giữa các năm. Tính đến 31/12/2019, Tổng tài sản của Công ty năm 2019 là hơn 4.289 tỷ đồng giảm nhẹ so với năm 2018. Trong đó tài sản ngắn hạn giảm 47,4%, tài sản dài hạn giảm 5,68%.



Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, tiền và các khoản tương đương với tiền chiếm tỷ trọng lớn 63,27%, đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty. Các khoản khác lần lượt là các khoản phải thu ngắn hạn, đầu tư tài chính ngắn hạn và hàng tồn kho.

***) Nợ phải trả:**

Đến thời điểm 31/12/2019, các khoản nợ phải trả của Công ty là hơn 1.761 tỷ đồng giảm so với năm 2018.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Năm 2019, Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty phát huy đã phát huy tốt kỹ năng tổ chức, quản lý, phù hợp với tình hình thị trường. Điều đó đã củng cố vững chắc văn hóa doanh nghiệp, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của Công ty.
- Trong công tác quản lý, Công ty đã tổ chức thực hiện các công việc cần thiết như ổn định tình hình nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý.
- Không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh để đạt hiệu quả cao nhất.
- Công tác quản trị của Công ty tuân thủ và đáp ứng yêu cầu quy định của Nhà nước. Công ty đảm bảo môi trường, điều kiện về kiểm soát, kiểm toán. Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, phản ánh trung thực, chính xác hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc có đủ năng lực và phẩm chất, không có những xung đột giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của Công ty, đã hoạt động hiệu quả với vai trò, chức năng của mình góp phần giúp Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm. Công ty luôn nỗ lực và chú trọng công tác cải tiến hoạt động quản trị Công ty, hướng tới áp dụng thành công các hệ thống quản trị công ty tốt như: Nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị, hoạt động giám sát của Ban kiểm soát, áp dụng các biện pháp hỗ trợ quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.



4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020
1	Sản lượng điện thương mại	Triệu kWh	650,3
2	Chỉ tiêu tài chính		
-	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	705,944
-	Tổng chi phí	Tỷ đồng	633,866
-	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	72
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	68,474
-	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL (tạm tính)	%	3,19%
3	Đào tạo (164 lượt người)	Tỷ đồng	1,012
4	Giá thành	Đồng/kWh	974,7
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	166,356
6	Lao động	Người	117
7	Quỹ tiền lương (tạm tính)	Tỷ đồng	27,778

4.2. Các nhiệm vụ chính cần thực hiện:

- Tổ chức quản lý vận hành nhà máy thủy điện Hủa Na an toàn, ổn định; Phối hợp và quan hệ tốt với EVN/A0/EPTC để phát điện đạt hiệu quả kinh tế cao nhất trong thị trường điện cạnh tranh.
- Chủ động làm việc với EVN/ EPTC trong công tác thanh toán tiền điện, đảm bảo thanh toán tiền điện đầy đủ và đúng hạn.
- Tiếp tục cập nhật, hoàn thiện định mức lao động, định mức kinh tế kỹ thuật; định mức/danh mục vật tư, thiết bị dự phòng; kịp thời bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Công ty cho phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.



- Thường xuyên rà soát, tiết giảm tối đa các khoản chi phí, kể cả các hạng mục chi phí đã được giao trong kế hoạch; Chỉ thực hiện những hạng mục thực sự cần thiết, mang lại hiệu quả cho đơn vị.
- Xây dựng phương án đảm bảo cân đối dòng tiền, chủ động thu xếp nguồn vốn đảm bảo đủ, đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh, giải ngân đối với công nợ còn lại trong công tác đầu tư.
- Lập kế hoạch mua sắm vật tư phục vụ sản xuất, CCDC, trang thiết bị văn phòng,...trên cơ sở nhu cầu sử dụng thực tế trong năm, tình trạng mua mới thiết bị, vật tư tồn kho.
- Thực hiện công tác sửa chữa bảo dưỡng nhà máy; bảo trì công trình xây dựng đảm bảo an toàn, chất lượng, đúng tiến độ.
- Phối hợp tốt với các cấp chính quyền địa phương để sớm hoàn thành các công việc còn lại trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tái định cư.
- Hoàn thành quyết toán phân còn lại của dự án sau khi hoàn thành các nội dung nêu trên.
- Triển khai thực hiện các bước đầu tư các dự án mới (Dự án thủy điện Hòa Na A; Dự án điện năng lượng mặt trời) trong trường hợp tự cân đối được nguồn vốn, dự án đánh giá đạt hiệu quả kinh tế và được các cấp có thẩm quyền thông qua.
- Các nội dung khác theo yêu cầu thực tế trong quá trình sản xuất kinh doanh.

4.3. Giải pháp thực hiện:

- Nâng cao chất lượng người lao động để đảm bảo vận hành nhà máy an toàn, ổn định giảm tối đa thời gian dừng máy do sửa chữa, bảo dưỡng và sự cố.
- Chuẩn bị đầy đủ vật tư và vật tư dự phòng để phục vụ sửa chữa và khắc phục kịp thời sự cố.
- Căn cứ tình hình thực tế và dự báo thủy văn, giá thị trường điện và Qc giao để có kế hoạch chào giá và vận hành các tổ máy trong thị trường phát điện cạnh tranh để đạt doanh thu tối ưu khi tham gia thị trường.

**IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty****1.1. Các chỉ tiêu chủ yếu.**

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	TH/KH 2019
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	650,64	559,90	86%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	710,39	668,95	94%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	648,87	596,41	92%
4	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	Tỷ đồng	61,52	72,54	118%
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	158,02	141,20	89%

- Năm 2019 mặc dù sản lượng điện chỉ đạt 86%, nhưng doanh thu bán điện trước các thuế phí đạt 94% so với kế hoạch năm, kết hợp việc cân đối chi phí nên lợi nhuận năm 2019 đạt khoảng 72,54 tỷ đồng/61,52 tỷ đồng, bằng 118% kế hoạch năm.
- Công tác phòng chống lụt bão thực hiện tốt, chủ động theo quy định nên giảm thiểu tốt đa thiệt hại do bão lũ gây ra.
- Công tác quản lý vận hành được thực hiện tốt, người lao động chấp hành tốt các quy trình, quy phạm, các nội quy, quy định của Công ty. Trong năm, Công ty đã đảm bảo được an toàn trong sản xuất, vận hành đúng phương thức, không để xảy ra cháy nổ và tai nạn lao động.
- Công tác bảo dưỡng, sửa chữa công trình, thiết bị thực hiện đảm bảo chất lượng và tiến độ, góp phần duy trì nhà máy vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả, hạn chế được các hư hỏng phát sinh trong vận hành.
- Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để giảm chi phí, hạ giá thành.
- Công tác mua sắm các thiết bị đã được thực hiện theo đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng và tiến hành theo đúng quy định của Pháp luật.
- Trách nhiệm đối với môi trường và xã hội: i) Công ty luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, đặc biệt quan tâm chú trọng việc báo cáo giám sát chất lượng môi trường định kỳ về các chỉ tiêu nước thải, chất thải nguy hại, độ ồn, độ bụi, ... ii) Song song với việc sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, tham gia các hoạt động vì người nghèo, ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng lũ lụt, ...



2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Với vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát Giám đốc trong các hoạt động cụ thể như sau:

- Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát sao các hoạt động của Giám đốc, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Ban Giám đốc.
- Yêu cầu Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

Trong năm 2019, Ban giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai và thực hiện tốt các nội dung theo Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty thông qua các chỉ tiêu kinh tế tài chính đã đạt được. Lợi nhuận từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã góp phần tích lũy được nguồn vốn, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp ngân sách nhà nước, ổn định thu nhập cho người lao động.

3. Kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị.

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 với các chỉ tiêu chính như sau: Sản lượng điện phân đầu đạt 650,3 triệu kWh, tổng doanh thu 705,944 tỷ đồng, tổng chi phí 633,866 tỷ đồng, tổng lợi nhuận trước thuế 72 tỷ đồng. Khai thác hợp lý hồ chứa để đảm bảo tích nước phục vụ kế hoạch sản xuất năm 2021.

Để hoàn thành các chỉ tiêu nói trên, Hội đồng quản trị xác định mục tiêu, chiến lược trong năm 2020 của Công ty như sau:

- Vận hành, phát điện liên tục, an toàn và ổn định 2 tổ máy theo đúng phương thức vận hành của Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia.
- Tham gia thị trường phát điện cạnh tranh, tính toán chào giá hợp lý, khai thác tối ưu hồ chứa để đạt sản lượng và doanh thu cao nhất cho Công ty khi tham gia thị trường điện cạnh tranh.
- Thực hiện các giải pháp quản lý kỹ thuật để không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Triển khai đôn đốc thực hiện tốt công tác an toàn, bảo hộ lao động và vệ sinh lao động.



- Lập và triển khai kế hoạch phòng chống lụt, bão năm 2020 nhằm ứng phó kịp thời với tình hình phức tạp của mưa lũ, đảm bảo an toàn công trình và tính mạng con người.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên, cơ cấu Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức danh trong HĐQT	Số cổ phần		Tỷ lệ nắm giữ cổ phần	Chức danh tại Công ty khác
			Sở hữu cá nhân	Đại diện pháp nhân		
1	Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	7.600	859.227.600	38,076%	Không
2	Trịnh Bảo Ngọc	Thành viên HĐQT	7.600	34.650.000	15,355%	Không
3	Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên HĐQT	5.700	34.650.000	15,355%	Không
4	Lê Hải Long	Thành viên HĐQT	0	34.650.000	15,355%	Phó Ban TC-KT PVP
5	Vũ Văn Tâm	Thành viên HĐQT	0	1.920.000	0,85%	Công ty CP Đầu tư tài chính và BĐS Việt

1.2. Các tiểu ban Hội đồng quản trị: Không có

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na đã tiến hành họp thường kỳ 05 lần, ban hành 05 Nghị quyết. Các cuộc họp đều tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, kết thúc mỗi cuộc họp đều lập biên bản và ra nghị quyết giao Giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện.



STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là TV HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	19/4/2018	5	100%
2	Trịnh Bảo Ngọc	TV HĐQT	19/4/2018	5	100%
3	Nguyễn Xuân Sơn	TV HĐQT	19/4/2018	5	100%
4	Lê Hải Long	TV HĐQT	19/4/2018	5	100%
5	Vũ Văn Tâm	TV HĐQT	19/4/2018	5	100%

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban điều hành và tình hình của Công ty theo đúng trách nhiệm của mình, tuân thủ Pháp luật, Điều lệ công ty và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Năm 2019, thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục, khách quan.

1.5. Các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ về đào tạo quản trị Công ty: 5/5 thành viên

1.6. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2019

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01-2019/NQ-HĐQT-HHC	05/3/2019	Nghị quyết tại phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ 01 năm 2019
2	02-2019/NQ-HHC-HĐQT	24/4/2019	Nghị quyết tại phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ 02 năm 2019
3	03-2019/NQ-HHC-HĐQT	24/5/2019	Nghị quyết tại phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ 03 năm 2019
4	04-2019/NQ-HHC-HĐQT	20/8/2019	Nghị quyết tại phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ 04 năm 2019
5	05-2019/NQ-HHC-HĐQT	13/12/2019	Nghị quyết tại phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ 05 năm 2019



2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức danh trong BKS	Tỷ lệ nắm giữ cp có quyền biểu quyết
1	Trần Thị Thu Hà	Trưởng BKS	0,001%
2	Văn Tuấn Thạch	Thành viên BKS	0%
3	Phạm Thị Minh Tâm	Thành viên BKS	0%

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã thực hiện 02 cuộc kiểm tra, giám sát để đảm bảo công ty thực hiện đúng theo Luật doanh nghiệp, Luật lao động, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Các báo cáo kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát đều được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.
- Ngoài ra Ban kiểm soát còn tham dự vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến đóng góp về hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc điều hành và quản trị công ty.
- Ban kiểm soát chủ động phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc về công tác thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như công tác hạch toán, kế toán.
- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc thường xuyên tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra, giám sát tại đơn vị.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2019 thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc Công ty; Ban kiểm soát căn cứ vào các quy định của Luật kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành, Chính sách tài chính của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty để thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng kỹ thuật kiểm tra cần thiết, các bằng chứng xác minh cho các số liệu thuyết minh trên báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và các chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng



cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo. Ban kiểm soát cho rằng công việc thẩm định đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho các ý kiến nhận xét và kiến nghị đúng với chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Những hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát không trực tiếp tham gia quản trị điều hành, các hoạt động của Ban kiểm soát chỉ dựa trên cơ sở hồ sơ, chứng từ do Công ty cung cấp.

2.3. Nhận xét đánh giá của Ban kiểm soát

- Công ty đã thực hiện tuân thủ các quy định về công tác kế toán tài chính theo quy định của pháp luật.
- Công ty cần tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh, cần trọng trọng quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống nhất quán và phù hợp trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Hạn chế tối đa các khoản tạm ứng cá nhân và phải hoàn tạm ứng theo đúng quy định (nếu có).

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

3.1.1. Lương thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát chuyên trách, Giám đốc, cán bộ quản lý:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tháng	Tổng thu nhập trong năm
1	Hoàng Xuân Thành	CT HĐQT	12	872.912.006
2	Trịnh Bảo Ngọc	TV HĐQT, Giám đốc	12	872.912.006
3	Nguyễn Xuân Sơn	TV HĐQT, Phó Giám đốc	12	785.336.456
4	Trần Văn Biên	Phó Giám đốc	12	813.508.439
5	Bùi Huy Thành	Phó Giám đốc	12	748.684.153
7	Trần Thị Thu Hà	Trưởng BKS	12	748.684.153
8	Võ Trung Chính	Kế toán trưởng	12	748.684.153



3.1.2. Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, thành viên Ban kiểm soát.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tháng	Thù lao trong năm
1	Lê Hải Long	Thành viên HDQT	12	80.000.000
2	Vũ Văn Tâm	Thành viên HDQT	12	80.000.000
3	Văn Tuấn Thạch	TV BKS	12	60.000.000
4	Phạm Thị Minh Tâm	TV BKS	12	60.000.000

3.2. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có*

3.3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có*

3.4. *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tuân thủ tuyệt đối Quy chế quản trị Công ty.*

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Đơn vị kiểm toán độc lập: **CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Đính kèm: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Thành

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019**



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch
Ông Trịnh Bảo Ngọc	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Ủy viên
Ông Lê Hải Long	Ủy viên
Ông Vũ Văn Tâm	Ủy viên

Ban Giám đốc

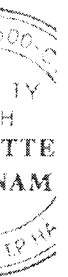
Ông Trịnh Bảo Ngọc	Giám đốc
Ông Trần Văn Biên	Phó Giám đốc
Ông Bùi Huy Thành	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÁ

Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An

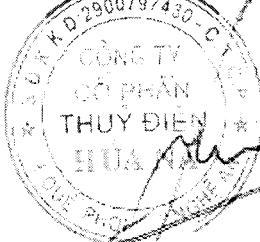
Số 7, Đường Quang Trung, Phường Quang Trung,

Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, *M*



Trình Bảo Ngọc
Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2020



Số: 0686 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 3 năm 2020, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 21 và Thuyết minh số 22 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2019 và năm 2018, Công ty đã ghi nhận các khoản thuế tài nguyên nước, phí bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt vào doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc ghi nhận như trên là có khác biệt so với chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014. Nếu Công ty ghi nhận các khoản này theo hướng dẫn của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì chỉ tiêu Doanh thu bán hàng và chỉ tiêu Giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ cùng giảm đi với một số tiền là 80.156.632.899 VND (năm 2018: 107.389.475.172 VND), chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh không thay đổi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

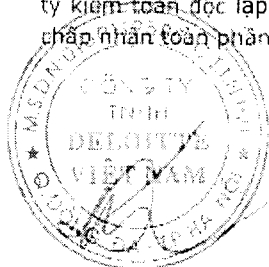
Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc về vấn đề như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 403,8 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 258,3 tỷ VND). Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Kế hoạch của Ban Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 04 tháng 3 năm 2019 đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 3 năm 2020
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lê Đình Dũng
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3943-2017-001-1

011
ÔN
TN
LC
ĐT
0A

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		190.792.507.996	362.743.096.925
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	120.711.063.153	149.539.905.743
1. Tiền	111		25.711.063.153	32.181.882.246
2. Các khoản tương đương tiền	112		95.000.000.000	117.358.023.497
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	42.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	-	42.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46.080.395.231	152.033.294.398
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	30.823.357.460	134.826.960.210
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.974.786.230	6.265.057.529
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	12.282.251.541	10.941.276.659
IV. Hàng tồn kho	140	9	23.347.053.038	19.094.151.105
1. Hàng tồn kho	141		23.347.053.038	19.094.151.105
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		653.996.574	75.745.679
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		653.996.574	75.745.679
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.098.437.724.828	4.345.031.413.947
I. Tài sản cố định	220		4.064.729.244.982	4.143.163.240.616
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.064.729.244.982	4.143.163.240.616
- Nguyên giá	222		5.861.382.801.234	5.670.260.285.860
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.796.653.556.252)	(1.527.097.045.244)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	11	20.000.653.836	193.363.011.101
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		20.000.653.836	193.363.011.101
III. Tài sản dài hạn khác	260		13.707.826.010	8.505.162.230
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	6.025.095.159	407.593.789
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		7.682.730.851	8.097.568.441
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		4.289.230.232.824	4.707.774.510.872

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

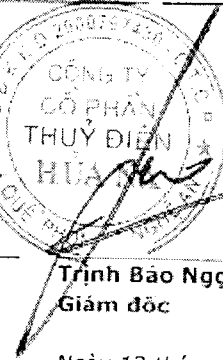
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.761.430.274.414	2.241.730.771.634
I. Nợ ngắn hạn	310		594.578.119.571	621.063.415.966
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	83.269.464.896	81.552.258.752
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		170.213.022	170.213.022
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	3.356.210.110	20.144.182.276
4. Phải trả người lao động	314		10.119.685.281	10.182.256.584
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	22.414.533.693	24.772.134.882
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	16.884.007.611	23.019.164.498
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	454.035.375.825	459.379.893.124
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	120.496.773	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.208.132.360	1.843.312.828
II. Nợ dài hạn	330		1.166.852.154.843	1.620.667.355.668
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	495.675.000	275.500.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	1.166.356.479.843	1.620.391.855.668
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.527.799.958.410	2.466.043.739.238
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	2.527.799.958.410	2.466.043.739.238
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.256.592.103.444	2.256.592.103.444
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.256.592.103.444	2.256.592.103.444
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		64.985.781.295	64.985.781.295
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.792.700.882	5.792.700.882
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			200.429.372.789	138.673.153.617
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		132.089.275.785	(77.321.670.157)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		68.340.097.004	215.994.823.774
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		4.289.230.232.824	4.707.774.510.872


 Nguyễn Thị Thu Hằng
 Người lập biểu


 Võ Trung Chính
 Kế toán trưởng


 Trịnh Bảo Ngọc
 Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

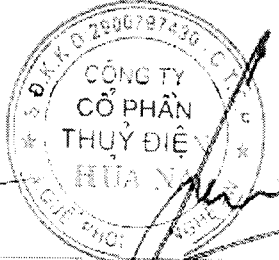
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh		Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01	21	661.951.613.312	875.057.646.614
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10		661.951.613.312	875.057.646.614
3. Giá vốn hàng bán	11	22	392.581.341.059	419.698.529.739
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		269.370.272.253	455.359.116.875
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	6.685.917.918	7.364.044.959
6. Chi phí tài chính	22	25	174.483.866.373	216.682.067.042
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		173.314.455.464	210.521.645.223
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	26.801.597.505	25.527.286.984
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		74.770.726.293	220.513.807.808
9. Thu nhập khác	31		312.693.639	813.054.067
10. Chi phí khác	32	27	2.500.956.485	184.385.924
11. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2.188.262.846)	628.668.143
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		72.582.463.447	221.142.475.951
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	4.242.366.443	3.726.402.177
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		68.340.097.004	217.416.073.774
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	303	934


 Nguyễn Thị Thu Hằng
 Người lập biểu


 Võ Trung Chính
 Kế toán trưởng


 Trịnh Bảo Ngọc
 Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2020


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

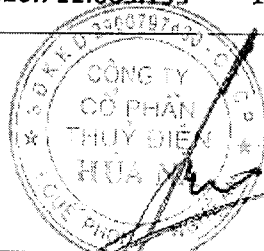
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	72.582.463.447	221.142.475.951
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	271.020.534.489	263.562.442.692
Các khoản dự phòng	03	120.496.773	-
Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05	234.332.788	(7.505.195.867)
Chi phí lãi vay	06	173.314.455.464	210.521.645.223
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	517.272.282.961	687.721.367.999
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	101.543.440.864	(90.969.487.059)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.838.064.343)	(15.763.186.536)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(15.598.208.094)	24.201.345.243
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(5.617.501.370)	889.295.544
Tiền lãi vay đã trả	14	(180.511.082.087)	(203.034.815.144)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.252.757.825)	(680.941.294)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.911.781.961)	2.343.139.297
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	405.086.328.145	404.706.718.050
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(19.218.443.202)	(42.375.102.981)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	176.135.454	141.150.908
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(42.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	42.000.000.000	5.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.507.030.137	5.820.030.894
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	25.464.722.389	(73.413.921.179)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	6.423.398.061
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(459.379.893.124)	(378.383.720.826)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(459.379.893.124)	(371.960.322.765)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(28.828.842.590)	(40.667.525.894)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	149.539.905.743	190.207.431.637
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	120.711.063.153	149.539.905.743


 Nguyễn Thị Thu Hằng
 Người lập biểu


 Võ Trung Chính
 Kế toán trưởng



Trịnh Bảo Ngọc
 Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An
Số 7, Đường Quang Trung, Phường Quang Trung,
Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900797430 ngày 16 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP. Công ty mẹ của cả Tập đoàn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 117 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 117).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Cho thuê văn phòng;
- Khai thác quặng sắt;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành điện;
- Bán buôn tổng hợp;
- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kinh doanh khách sạn;
- Đầu tư xây dựng nhà để ở;
- Đầu tư xây dựng văn phòng, trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Kiểm tra, đo lường, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị nhà máy thủy điện;
- Dịch vụ tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình;
- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng;
- Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy thủy điện.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Hòa Na.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 403,8 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 258,3 tỷ VND). Để đảm bảo khả năng thanh toán, Ban Giám đốc Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh hợp lý, phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm và huy động các nguồn vốn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng báo cáo tài chính này được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo chính sách của Công ty, theo đó, Công ty trích lập dự phòng cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

DU
ÔN
TN
LO
BT
ĐA

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	6 - 15
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 15

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định khắc phục sự cố phát sinh có giá trị lớn và các khoản trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 36 tháng kể từ thời điểm phát sinh. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả phản ánh các khoản dự phòng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định nhà máy thủy điện Hòa Na. Các khoản dự phòng phải trả hàng năm được hạch toán dựa trên cơ sở ước tính của Công ty về tổng giá trị các khoản chi phí cần thiết để thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa cho mỗi chu kỳ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định (48 tháng) và phân bổ đều cho số tháng thực hiện. Chi phí thực tế bỏ ra để thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định phát sinh trong năm được hạch toán giảm vào số dư dự phòng phải trả.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận căn cứ vào biên bản tổng hợp giao nhận điện năng giữa Công ty và Công ty Mua Bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu được ghi nhận bao gồm các khoản thuế tài nguyên nước, phí bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ

trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	92.629.076	172.069.502
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.618.434.077	32.009.812.744
Các khoản tương đương tiền (i)	95.000.000.000	117.358.023.497
	120.711.063.153	149.539.905.743

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc là 01 tháng, lãi suất trong khoảng từ 4,7 - 5,0%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND		<u>Số đầu năm</u> VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng đến 12 tháng	-	-	42.000.000.000	42.000.000.000

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	30.758.296.160	134.763.945.810
Các khoản phải thu khách hàng khác	65.061.300	63.014.400
	30.823.357.460	134.826.960.210

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Trả trước cho người bán không phải là các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Thăng Long	682.143.900	682.143.900
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Quang Trang	623.614.609	-
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Kiểm định Xây dựng Miền Trung	545.081.407	545.081.407
Công ty Xây dựng 319 Bộ Quốc Phòng	63.290.599	2.320.804.000
Các đối tượng khác	1.060.655.715	2.674.181.078
b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 31)	-	42.847.144
	<u>2.974.786.230</u>	<u>6.265.057.529</u>

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam (i)	12.023.499.500	8.766.741.657
Lãi dư thu	56.493.150	898.903.769
Phải thu về bồi thường, giải phóng mặt bằng	-	831.723.620
Tạm ứng	125.042.762	53.546.317
Phải thu khác	77.216.129	390.361.296
	<u>12.282.251.541</u>	<u>10.941.276.659</u>

(i) Phải thu Công ty Mua bán điện liên quan đến phí cấp quyền sử dụng nước mặt năm 2019 và phí bảo vệ môi trường rừng quý 4 năm 2019.

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	23.347.053.038	-	19.094.151.105	-
	<u>23.347.053.038</u>	<u>-</u>	<u>19.094.151.105</u>	<u>-</u>

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	4.313.934.263.548	1.342.415.033.019	5.090.152.509	8.820.836.784	5.670.260.285.860
Mua sắm	-	-	516.545.756	1.123.990.909	1.640.536.665
Tặng từ quỹ khen thưởng phúc lợi	604.068.259	-	-	-	604.068.259
Điều chỉnh theo quyết toán xây dựng cơ bản	174.599.798.423	1.712.090.196	-	-	176.311.888.619
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	14.301.102.272	-	-	-	14.301.102.272
Thanh lý, nhượng bán	(93.456.255)	-	-	(1.641.624.186)	(1.735.080.441)
Số dư cuối năm	4.503.345.776.247	1.344.127.123.215	5.606.698.265	8.303.203.507	5.861.382.801.234
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	1.078.087.702.054	438.512.065.489	3.972.996.993	6.524.280.708	1.527.097.045.244
Khấu hao trong năm	176.974.042.875	93.286.336.564	491.853.129	268.301.921	271.020.534.489
Hao mòn tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng phúc lợi	271.056.960	-	-	-	271.056.960
Thanh lý, nhượng bán	(93.456.255)	-	-	(1.641.624.186)	(1.735.080.441)
Số dư cuối năm	1.255.239.345.634	531.798.402.053	4.464.850.122	5.150.958.443	1.796.653.556.252
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	3.235.846.561.494	903.902.967.530	1.117.155.516	2.296.556.076	4.143.163.240.616
Tại ngày cuối năm	3.248.106.430.613	812.328.721.162	1.141.848.143	3.152.245.064	4.064.729.244.982

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 16.925.692.810 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 17.831.412.887 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị còn lại của những tài sản này là 4.027.178.798.997 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 4.116.669.844.050 VND).

11. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí xây dựng công trình Nhà máy Thủy điện Hủa Na	20.000.653.836	193.054.570.829
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	308.440.272
	20.000.653.836	193.363.011.101

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp các chi phí xây dựng cơ bản dở dang của công trình Nhà máy Thủy điện Hủa Na để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	6.025.095.159	407.593.789
Thiết bị, vật tư và các chi phí khác	-	-
	6.025.095.159	407.593.789

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả cho nhà cung cấp không phải bên liên quan				
Ban điều hành Dự án Thủy điện Hủa Nà - Tổng Công ty Sông Đà	46.480.885.494	46.480.885.494	46.480.885.494	46.480.885.494
Phải trả cho các đối tượng khác	11.074.581.832	11.074.581.832	11.873.169.164	11.873.169.164
b. Phải trả cho các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 31)	25.713.997.570	25.713.997.570	23.198.204.094	23.198.204.094
	83.269.464.896	83.269.464.896	81.552.258.752	81.552.258.752

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	143.700.469	64.147.533.009	64.291.233.478	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.045.460.883	4.242.366.443	4.252.757.825	3.035.069.501
Thuế thu nhập cá nhân	220.960.376	680.290.822	580.110.589	321.140.609
Thuế tài nguyên nước	-	53.297.324.946	53.297.324.946	-
Phí bảo vệ môi trường rừng	5.201.893.548	18.671.215.212	23.873.108.760	-
Phí cấp quyền sử dụng nước mặt	11.532.167.000	-	11.532.167.000	-
Các loại thuế, phí khác	-	163.822.981	163.822.981	-
	20.144.182.276	141.202.553.413	157.990.525.579	3.356.210.110

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi vay dự trả	13.665.839.783	20.862.466.406
Chi phí phải trả bảo hiểm	778.941.420	907.718.200
Chi phí phải trả các nhà thầu	3.347.560.749	2.480.756.006
Các khoản trích trước khác	4.622.191.741	521.194.270
	22.414.533.693	24.772.134.882
Phải trả cho các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 31)	2.211.424.760	-

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết (i)	-	12.619.010.287
Các loại thuế, phí tạm tính chưa kê khai (ii)	15.341.783.194	10.174.960.896
Kinh phí công đoàn	43.915.466	73.281.645
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.498.308.951	151.911.670
	16.884.007.611	23.019.164.498
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	495.675.000	275.500.000
	495.675.000	275.500.000

- (i) Phản ánh giá trị của các công cụ, dụng cụ và vật tư thừa sau khi Công ty thực hiện kiểm kê tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2018. Tổng giá trị của các vật tư không sử dụng hết tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 là khoảng 12,6 tỷ VND. Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện điều chỉnh giảm toàn bộ giá trị hàng tồn kho thừa này vào giá vốn hàng bán.
- (ii) Phản ánh số dư phải trả Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng tỉnh Nghệ An về các khoản phải nộp về thuế tài nguyên, thuế giá trị gia tăng, phí bảo vệ môi trường và phí cấp quyền sử dụng nước mặt mà Công ty tạm tính, chưa kê khai và nộp cho Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng tỉnh Nghệ An.

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 phản ánh ước tính thận trọng nhất của Ban Giám đốc Công ty về các khoản dự phòng phải trả các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy Thủy điện Hủa Na, căn cứ theo Quyết định số 28/QĐ-HĐQT-HHC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy cho chu kỳ bảo dưỡng, sửa chữa từ năm 2017 đến năm 2020 và theo Quyết định số 154/QĐ-HHC ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Giám đốc Công ty về việc điều chỉnh chi phí sửa chữa định kỳ nhà máy cho chu kỳ năm 2017 đến năm 2020.

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND		VND		VND
a. Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vinh	6.423.398.061	6.423.398.061		6.423.398.061		
b. Vay dài hạn đến hạn trả (chi tiết tại Thuyết minh số 19)	452.956.495.063	452.956.495.063	454.035.375.825	452.956.495.063	454.035.375.825	454.035.375.825
	459.379.893.124	459.379.893.124	454.035.375.825	459.379.893.124	454.035.375.825	454.035.375.825

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND		VND		VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (i)	1.164.259.742.579	1.164.259.742.579	-	331.250.816.503	833.008.926.076	833.008.926.076
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (ii)	197.751.118.976	197.751.118.976	-	35.952.000.000	161.799.118.976	161.799.118.976
Ngân hàng TMCP Quân đội (iii)	293.852.929.176	293.852.929.176	-	33.253.678.560	260.599.250.616	260.599.250.616
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội (iv)	417.484.560.000	417.484.560.000	-	52.500.000.000	364.984.560.000	364.984.560.000
	2.073.348.350.731	2.073.348.350.731	-	452.956.495.063	1.620.391.855.668	1.620.391.855.668

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng	452.956.495.063				454.035.375.825	
- Số phải trả sau 12 tháng	1.620.391.855.668				1.166.356.479.843	

- (i) Khoản vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng vay ngày 16 tháng 10 năm 2008, hạn mức vay là 2.240 tỷ VND. Mục đích của khoản vay để thực hiện đầu tư các hạng mục xây dựng và thiết bị của Dự án Xây dựng công trình thủy điện Hủa Na. Khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2013 đến năm 2022 (theo Phụ lục số 23/2014/HĐSD-BSTĐĐT-NHPT ngày 25 tháng 8 năm 2014 và Phụ lục số 07/2017/HĐSD-BS-NHPT-NAN ngày 28 tháng 4 năm 2017), chịu lãi suất theo lãi suất công bố của Bộ Tài chính theo từng thời điểm giải ngân. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 lãi suất các kế ước từ 6,9% đến 9,6%/năm, lãi vay được trả hàng tháng. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng vay ngày 05 tháng 3 năm 2012, hạn mức vay là 400 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ của Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Theo Thông báo số 138/TB-CNTPHN ngày 16 tháng 01 năm 2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội điều chỉnh tổng hạn mức tín dụng cho Công ty thành 371,216 tỷ VND. Khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần từ năm 2014 đến năm 2024. Lãi vay bằng lãi suất cơ sở cộng thêm 4,5%/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, lãi vay đang áp dụng là 11%/năm. Lãi vay được trả hàng tháng. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tài sản hình thành trong tương lai của dự án và bảo lãnh của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.
- (iii) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng đồng tài trợ với 03 (ba) ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB), Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - PVcomBank) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á ngày 18 tháng 8 năm 2009. Theo Phụ lục hợp đồng số 01.09.001.286688.TD tháng 8 năm 2012, khoản vay đồng tài trợ này thay đổi chỉ còn 02 (hai) ngân hàng tài trợ bao gồm MB (ngân hàng đầu mối) và PVcomBank với tổng số tiền cho vay vốn là 328,78 tỷ VND. Mục đích của khoản vay để thanh toán một phần các chi phí đầu tư máy móc thiết bị thủy công, thủy lực của Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Khoản vay này được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2015 đến năm 2024. Lãi suất bằng lãi suất bình quân tham chiếu cộng thêm 4,2%/năm nhưng không thấp hơn bình quân lãi suất cho vay trung/dài hạn tối thiểu của các bên cho vay. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, lãi suất đang áp dụng là 10,5%/năm. Lãi vay được trả hàng quý. Tài sản đảm bảo của khoản vay là toàn bộ công trình, quyền tài sản hình thành từ công trình và bảo lãnh của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.
- (iv) Các khoản vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội bao gồm 2 hợp đồng:
- Hợp đồng vay ngày 17 tháng 12 năm 2012 với hạn mức vay là 200 tỷ VND, số dư gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 100 tỷ VND. Mục đích của khoản vay để thanh toán các chi phí thi công của Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Khoản vay được trả nhiều lần bắt đầu từ năm 2015 đến năm 2024. Lãi suất bằng bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng (trả lãi sau) của 05 ngân hàng cộng thêm biên độ 4,2%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu trung/dài hạn theo quy định của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, lãi suất đang áp dụng là 9,9%/năm. Lãi vay được trả 6 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị máy móc, thiết bị, công trình xây dựng của Dự án và bảo lãnh của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.
 - Hợp đồng vay ngày 21 tháng 01 năm 2016 với hạn mức vay là 300 tỷ VND, số dư gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 264,98 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là tài trợ các khoản chi phí tăng thêm sau điều chỉnh tổng mức đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Khoản vay được trả làm 20 lần bắt đầu từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 01 năm 2026. Lãi suất bằng bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng (trả lãi sau) của 03 ngân hàng cộng thêm biên độ (biên độ là 2,2%/năm kể từ năm thứ ba). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, lãi vay là 9,4%/năm. Lãi vay được trả 6 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị máy móc, thiết bị, công trình xây dựng của Dự án và bảo lãnh của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.



Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	454.035.375.825	452.956.495.063
Trong năm thứ hai	444.398.678.560	454.035.375.825
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	656.973.241.283	1.146.436.276.653
Sau năm năm	64.984.560.000	19.920.203.190
	1.620.391.855.668	2.073.348.350.731
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	454.035.375.825	452.956.495.063
Số phải trả sau 12 tháng	1.166.356.479.843	1.620.391.855.668

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu (i) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối /(Lũy kế) VND
Số dư đầu năm trước	2.256.592.103.444	64.985.781.295	5.792.700.882	(75.331.065.990)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	217.416.073.774
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.411.854.167)
Số dư đầu năm nay	2.256.592.103.444	64.985.781.295	5.792.700.882	138.673.153.617
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	68.340.097.004
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	(6.583.877.832)
Số dư cuối năm nay	2.256.592.103.444	64.985.781.295	5.792.700.882	200.429.372.789

(i) Theo nội dung Công văn số 10084/BTC-CKTK ngày 28 tháng 8 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc trả lời Chế độ kế toán: "... Công ty được hạch toán giảm chi phí quản lý dự án hoặc ghi tăng vốn kinh doanh khoản lãi tiền gửi phát sinh từ nguồn vốn góp của cổ đông tạm thời nhàn rỗi trong thời gian đầu tư xây dựng công trình thủy điện...". Theo đó, Công ty đã ghi nhận khoản lãi tiền gửi phát sinh này trên khoản mục "Vốn khác của chủ sở hữu" của Bảng cân đối kế toán, với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là khoảng 64,9 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 64,9 tỷ VND).

(ii) Trong năm, Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết số 01/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 2.256.592.100.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	1.898.727.600.000	84,14%	1.898.727.600.000	1.898.727.600.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	115.500.000.000	5,12%	115.500.000.000	115.500.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	105.000.000.000	4,65%	105.000.000.000	105.000.000.000
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	87.200.270.000	3,86%	87.200.273.444	87.200.273.444
Các cổ đông khác	50.164.230.000	2,23%	50.164.230.000	50.164.230.000
	2.256.592.100.000	100%	2.256.592.103.444	2.256.592.103.444

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	225.659.210	225.659.210
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	225.659.210	225.659.210
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	225.659.210	225.659.210
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	225.659.210	225.659.210

21. DOANH THU BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu điện phát lưới	581.794.980.413	767.668.171.442
Các khoản thuế, phí gián thu (i)	80.156.632.899	107.389.475.172
	661.951.613.312	875.057.646.614

(i) Phản ánh các khoản thuế tài nguyên nước, phí bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt.

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn phát điện	312.424.708.160	312.309.054.567
Các khoản thuế, phí gián thu (i)	80.156.632.899	107.389.475.172
	392.581.341.059	419.698.529.739

(i) Phản ánh các khoản thuế tài nguyên nước, phí bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt.

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.472.399.914	7.702.157.908
Chi phí nhân công	38.926.346.852	29.970.854.574
Chi phí khấu hao tài sản cố định	271.020.534.489	263.562.442.692
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.260.872.926	21.198.167.624
Chi phí thuế tài nguyên nước, phí bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt (xem tại Thuyết minh số 21)	80.156.632.899	107.389.475.172
Chi phí khác bằng tiền	12.165.161.771	15.402.718.753
Điều chỉnh giá trị hàng tồn kho thừa phát hiện sau kiểm kê	(12.619.010.287)	-
	419.382.938.564	445.225.816.723

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh lãi tiền gửi tại các ngân hàng thương mại.

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	173.314.455.464	210.521.645.223
Phí bảo lãnh các hợp đồng vay	1.169.410.909	6.160.421.819
	174.483.866.373	216.682.067.042

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	314.645.309	620.581.255
Chi phí nhân công	16.219.522.633	13.402.814.204
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.158.152.306	916.255.327
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.835.079.473	2.121.683.103
Chi phí khác bằng tiền	7.274.197.784	8.465.953.095
	26.801.597.505	25.527.286.984

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí đầu tư không hình thành tài sản	2.319.925.776	-
Các khoản khác	181.030.709	184.385.924
	2.500.956.485	184.385.924

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	72.582.463.447	221.142.475.951
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Công: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	6.118.926.572	444.572.783
<i>Chuyển lỗ</i>	-	(147.059.005.196)
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	78.701.390.019	74.528.043.538
Thuế suất (i)	10%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.870.139.002	7.452.804.354
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (i)	(3.935.069.501)	(3.726.402.177)
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này (ii)	307.296.942	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.242.366.443	3.726.402.177

(i) Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Hòa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động tính trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2013) và giảm 50% cho chín năm tiếp theo (từ năm 2017) cho các thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.

(ii) Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp từ các năm trước theo Quyết định số 612/QĐ-CT ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Cục Thuế tỉnh Nghệ An.

Công ty xác định thuế thu nhập hiện hành căn cứ theo ước tính phù hợp nhất dựa theo các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc điều chỉnh (nếu có) sẽ được Công ty thực hiện khi có kết quả kiểm tra chính thức của cơ quan thuế có thẩm quyền.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	68.340.097.004	217.416.073.774
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (i)	-	6.583.877.832
Lợi nhuận để tính lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu (VND)	68.340.097.004	210.832.195.942
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	225.659.210	225.659.210
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	303	934

(i) Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại căn cứ theo quyết định trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018 của Công ty (xem Thuyết minh số 20). Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 đã được trình bày trên báo cáo năm trước là 957 VND/cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa xác định số tiền sẽ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2019, do đó chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm nay có thể sẽ thay đổi khi Công ty có quyết định về việc trích quỹ này trong tương lai.

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty đã ký kết Hợp đồng thuê đất số 134/HĐ-TĐ ngày 09 tháng 9 năm 2011 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An về việc thuê 809.930 m² đất tại xã Đông Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An để thực hiện xây dựng Nhà máy Thủy điện Hóa Na. Thời hạn thuê đất là 46 năm, kể từ ngày 09 tháng 9 năm 2011 đến ngày 26 tháng 3 năm 2058. Theo Quyết định số 1016/QĐ-CT ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Nghệ An về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty Cổ phần Thủy điện Hóa Na, Công ty được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng (từ tháng 8 năm 2011 đến hết tháng 7 năm 2013) và thời gian ưu đãi đầu tư (từ tháng 8 năm 2013 đến hết tháng 7 năm 2028).

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm

Bên liên quan

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội

Mối quan hệ

Chủ sở hữu của Công ty mẹ
Công ty mẹ
Cùng chủ sở hữu
Cổ đông
Cổ đông

50
 G T
 H
 IT
 NA
 TP

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phí quản lý	790.876.610	685.106.737
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	790.876.610	685.106.737
Phí bảo lãnh	1.169.410.909	6.160.421.819
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	1.169.410.909	6.160.421.819
Phí nhãn hiệu	2.211.424.760	94.520.069
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.211.424.760	94.520.069
Trả gốc vay	33.253.678.560	12.877.023.608
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	33.253.678.560	12.877.023.608
Mua hàng	6.334.916.872	3.551.951.917
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	6.334.916.872	3.551.951.917

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	42.847.144
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	42.847.144
Phải trả người bán ngắn hạn	25.713.997.570	23.198.204.094
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	20.026.382.739	20.226.382.739
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	4.932.780.271	2.776.464.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	754.834.560	195.357.355
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.211.424.760	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.211.424.760	-
Vay và nợ thuê tài chính	260.599.250.616	293.852.929.176
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	260.599.250.616	293.852.929.176

Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị	4.283.353.060	4.361.436.079
Thu nhập của Ban Kiểm soát	867.033.419	543.850.250
	5.150.386.479	4.905.286.329

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

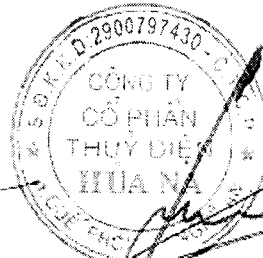
Ngày 02 tháng 3 năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 10/NQ-HHC-HĐQT về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động tại Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na. Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua phương án phát hành 10.000.000 cổ phiếu trong quý I năm 2020, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu cho đối tượng là cán bộ, người lao động của Công ty và các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Công ty theo tiêu chí và danh sách được Hội đồng Quản trị phê duyệt.



Nguyễn Thị Thu Hằng
Người lập biểu



Võ Trung Chính
Kế toán trưởng



Trịnh Bảo Ngọc
Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

